|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  Số: /2020/TT-BGDĐT | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2020* |

**THÔNG TƯ**

**DỰ THẢO 2**

**Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ**

*Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học;*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.*

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

**Điều 2.** Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày …. tháng …. năm 2020 và thay thế Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Đại học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Chính phủ;  - Ủy ban VHGDTNTNNĐ của Quốc hội;  - Ban Tuyên giáo Trung ương;  - Bộ trưởng (để báo cáo);  - Kiểm toán Nhà nước;  - Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);  - Công báo;  - Như Điều 3;  - Cổng thông tin điện tử của Chính phủ;  - Cổng thông tin điện tử của Bộ GDĐT;  - Lưu: VT, Vụ PC, Vụ GDĐH. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG** |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY CHẾ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2020/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

# Chương I

# QUY ĐỊNH CHUNG

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ, bao gồm: quy định chung; tuyển sinh; tổ chức và quản lý đào tạo; nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở đào tạo, giảng viên, học viên; thanh tra, kiểm tra, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong đào tạo trình độ thạc sĩ.

2. Quy chế này áp dụng đối với các đại học, trường đại học, học viện (sau đây gọi chung là cơ sở đào tạo); các tổ chức và cá nhân có liên quan đến quá trình đào tạo trình độ thạc sĩ.

3. Quy chế này không áp dụng đối với cơ sở đào tạo có vốn đầu tư nước ngoài và chương trình liên kết đào tạo trình độ thạc sĩ giữa cơ sở đào tạo với cơ sở giáo dục nước ngoài do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng.

## Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Ngành đúng:* Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành đúng với ngành, chuyên ngành dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ khi có cùng tên trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ.

2. *Ngành gần*: Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III của Hệ thống giáo dục quốc dân (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 1 Điều này).

3. *Ngành khác*: Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành khác với ngành dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ khi không cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục, đào tạo cấp III của Hệ thống giáo dục quốc dân (trừ trường hợp đã được quy định tại Khoản 2 Điều này).

## Điều 3. Chương trình đào tạo

1. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ được xây dựng theo đơn vị tín chỉ, bao gồm chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu và chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng, bảo đảm các quy định về chuẩn chương trình đào tạo và các quy định của pháp luật liên quan.

a) Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu là chương trình đào tạo có mục tiêu và nội dung xây dựng theo hướng chuyên sâu về nguyên lý, lý thuyết cơ bản trong các lĩnh vực khoa học, phát triển các công nghệ nguồn làm nền tảng để phát triển các lĩnh vực khoa học ứng dụng và công nghệ. Chương trình được thiết kế để học viên kết hợp hoàn thành các học phần và thực hiện luận văn nghiên cứu.

b) Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng là chương trình đào tạo có mục tiêu và nội dung xây dựng theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người. Chương trình được thiết kế để học viên dành toàn bộ thời gian học các học phần và thực hiện luận văn, hoặc dự án, hoặc báo cáo tốt nghiệp cuối khóa học (nếu có).

2. Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng ứng dụng được phép áp dụng phương thức đào tạo trực tiếp kết hợp trực tuyến đối với các học phần lý thuyết; cơ sở đào tạo cam kết bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định hiện hành tại quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học, quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo qua mạng. Tổng số tín chỉ các học phần được đào tạo theo phương thức trực tuyến không vượt quá 30% tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.

3. Đề cương chi tiết học phần của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ bao gồm: mục tiêu; chuẩn đầu ra; số tín chỉ; các học phần bắt buộc, các học phần tự chọn; nội dung, hình thức tổ chức dạy học; hình thức và phương pháp kiểm tra đánh giá; học liệu của học phần; các nội dung khác theo yêu cầu của học phần và theo quy định của cơ sở đào tạo.

4. Chương trình đào tạo thạc sĩ do giám đốc, hiệu trưởng các cơ sở đào tạo (sau đây gọi chung là thủ trưởng cơ sở đào tạo) tổ chức xây dựng, ban hành, thực hiện, tự đánh giá chất lượng đào tạo và thực hiện kiểm định chất lượng chương trình theo quy định pháp luật hiện hành.

## Điều 4. Hình thức, ngôn ngữ và thời gian đào tạo

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo hình thức giáo dục chính quy.

2. Ngôn ngữ chính thức dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ là tiếng Việt. Việc đào tạo thạc sĩ bằng ngôn ngữ nước ngoài do cơ sở đào tạo quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Thời gian đào tạo trình độ thạc sĩ được xác định trên cơ sở số lượng tín chỉ phải tích lũy cho từng chương trình đào tạo.

Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể thời gian đào tạo, việc kéo dài thời gian đào tạo phù hợp với từng chương trình. Thời gian kéo dài không được quá 2 năm so với thời gian thiết kế của chương trình đào tạo.

# Chương II

# TUYỂN SINH

## Điều 5. Nguyên tắc, phương thức tuyển sinh

1. Nguyên tắc: Các cơ sở đào tạo chỉ tuyển sinh khi đáp ứng đủ các điều kiện được phép đào tạo theo quy định hiện hành.

2. Phương thức tuyển sinh gồm: Thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp giữa thi tuyển và xét tuyển.

## Điều 6. Tổ chức học bổ sung kiến thức

1. Căn cứ theo quy định hiện hành về chuẩn chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, căn cứ ý kiến của khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo thạc sĩ, Thủ trưởng các cơ sở đào tạo quyết định:

a) Các học phần ứng viên đăng ký dự tuyển trình độ thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức trong trường hợp ứng viên thuộc điểm b và c khoản này.

b) Ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần, ngành khác với ngành đào tạo thạc sĩ phải học bổ sung kiến thức ngành của chương trình đại học trước khi dự tuyển.

c) Việc học bổ sung kiến thức đối với ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học ngành đúng nhưng đã tốt nghiệp nhiều năm trước hoặc bằng do cơ sở đào tạo khác cấp (nếu cần thiết).

2. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể điều kiện ứng viên phải học bổ sung kiến thức; quy trình, thủ tục và tổ chức việc học bổ sung kiến thức. Thông tin về việc học bổ sung kiến thức phải được công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo trước khi thực hiện tuyển sinh.

## Điều 7. Đối tượng dự tuyển

1. Người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp trình độ đại học ngành đúng, ngành gần với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ và học bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

b) Đã tốt nghiệp đại học ngành khác với ngành đào tạo trình độ thạc sĩ phải đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều này và phải học bổ sung kiến thức theo quy định tại Điều 6 Quy chế này.

c) Căn cứ vào yêu cầu của ngành đào tạo và yêu cầu đầu vào trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể về điều kiện văn bằng tốt nghiệp trình độ đại học của người dự tuyển.

2. Về kinh nghiệm làm việc, chuyên môn công tác: theo yêu cầu của từng ngành đào tạo, trên cơ sở đề nghị của khoa chuyên môn phụ trách ngành đào tạo, thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể về điều kiện, thời gian làm việc chuyên môn để tích lũy kinh nghiệm thực tiễn trước khi đăng ký dự tuyển. Người có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác được đăng ký dự tuyển vào các ngành thuộc lĩnh vực quản trị, quản lý, kinh tế, nhưng phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự tuyển.

3. Người dự tuyển là công dân Việt Nam được miễn đánh giá năng lực ngoại ngữ khi có một trong những minh chứng như sau:

a) Đã tốt nghiệp trình độ đại học tại các cơ sở đào tạo ở nước ngoài mà ngôn ngữ sử dụng trong quá trình học tập là tiếng Anh hoặc tiếng chính thức của nước sở tại; hoặc

b) Đã tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài tại các cơ sở đào tạo ở Việt Nam; hoặc

c) Đạt trình độ ngoại ngữ do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định nhưng tối thiểu phải từ bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương, do một tổ chức khảo thí được Việt Nam công nhận, được cấp trong thời hạn 02 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc

d) Người dự tuyển đáp ứng quy định tại các điểm a, b, c khoản này nhưng không phải là tiếng Anh phải có khả năng giao tiếp được bằng tiếng Anh trong chuyên môn (có thể diễn đạt những vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn cho người khác hiểu bằng tiếng Anh và hiểu được người khác trình bày những vấn đề chuyên môn bằng tiếng Anh).

4. Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ bằng tiếng Việt phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ theo quy định cụ thể của cơ sở đào tạo. Trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ thì được miễn yêu cầu về ngoại ngữ.

5. Người dự tuyển chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng nghiên cứu cần phải nộp đề xuất nghiên cứu do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo.

## Điều 8. Đề án tuyển sinh

1. Căn cứ quy định của Quy chế này và các quy định hiện hành liên quan, thủ trưởng cơ sở đào tạo tổ chức xây dựng Đề án tuyển sinh bảo đảm cung cấp đầy đủ những thông tin về: đối tượng và yêu cầu dự tuyển; ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh theo từng ngành; danh mục ngành đúng, ngành gần đối với từng ngành đào tạo trình độ thạc sĩ; tổ chức học bổ sung kiến thức; danh sách người hướng dẫn theo từng lĩnh vực đối với chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu; số lần tuyển sinh trong một năm; hồ sơ dự tuyển và thời gian nhận hồ sơ; kế hoạch và phương thức tuyển sinh cho từng chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu hoặc theo định hướng ứng dụng; thời gian công bố kết quả trúng tuyển và thời gian nhập học; tài chính và chính sách hỗ trợ kinh phí cho học viên trong quá trình học tập (nếu có); điều kiện bảo đảm chất lượng.

2. Cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm giải trình về Đề án tuyển sinh đã công bố với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền và các bên liên quan theo quy định pháp luật hiện hành và theo yêu cầu; chịu trách nhiệm trước pháp luật về điều kiện tuyển sinh, các điều kiện bảo đảm chất lượng, tính đầy đủ, chính xác của những nội dung trong Đề án tuyển sinh.

3. Cơ sở đào tạo có thể điều chỉnh Đề án tuyển sinh và công bố công khai Đề án tuyển sinh trên cổng thông tin điện tử của cơ sở đào tạo trước khi ứng viên bắt đầu đăng ký dự tuyển ít nhất 30 ngày làm việc.

## Điều 9. Tổ chức tuyển sinh và công nhận học viên trúng tuyển

1. Đối với những cơ sở đào tạo tổ chức tuyển sinh theo phương thức xét tuyển phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng về các tiêu chí để xét tuyển:

a) Căn cứ kết quả học tập ở trình độ đại học để xét tuyển.

b) Trưởng khoa chuyên môn lựa chọn tối thiểu 02 môn quan trọng trong các học phần bắt buộc theo yêu cầu của ngành đào tạo trình độ thạc sĩ để đánh giá kiến thức chuyên môn ở trình độ đại học của ứng viên dự tuyển.

c) Đối với, chương trình thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu: ngoài yêu cầu tại điểm a và b khoản này, cơ sở đào tạo thực hiện xét tuyển đối với ứng viên có bằng tốt nghiệp đại học xếp loại khá trở lên và đánh giá đề xuất nghiên cứu của ứng viên.

d) Ngoài quy định tại điểm a, b và c khoản 2 Điều này, thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể các điều kiện để xét tuyển tại Đề án tuyển sinh đối với từng chương trình đào tạo gồm có cả chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu và theo định hướng ứng dụng.

3. Đối với những cơ sở đào tạo tổ chức tuyển sinh theo phương thức thi tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển phải đáp ứng yêu cầu bảo đảm chất lượng sau:

a) Tổ chức thi tối thiểu 02 môn quan trọng trong các học phần bắt buộc theo yêu cầu của ngành đào tạo trình độ thạc sĩ do Trưởng khoa chuyên môn lựa chọn để kiểm tra kiến thức chuyên môn ở trình độ đại học của ứng viên dự tuyển.

b) Tổ chức thi ngoại ngữ cho ứng viên không được miễn đánh giá năng lực ngoại ngữ theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

c) Có bộ phận độc lập chuyên trách thực hiện chức năng tổ chức thi tuyển sinh, trong đó có đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chấm thi, cán bộ ra đề thi, cán bộ đánh giá, thẩm định đề thi, cán bộ hỗ trợ, kỹ thuật viên, đáp ứng các yêu cầu về số lượng và năng lực để tổ chức thi tuyển sinh.

d) Có ngân hàng câu hỏi thi với số lượng câu hỏi ít nhất gấp 50 lần tổng số câu trong 01 đề thi; đề thi phải được rút ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi thi.

đ) Bảo đảm điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ kỳ thi, phù hợp với quy mô và phương thức tổ chức thi.

e) Thủ trưởng cơ sở đào tạo chịu trách nhiệm tổ chức kỳ thi trung thực, khách quan, công bằng; giải trình và chịu trách nhiệm trước pháp luật về toàn bộ kỳ thi.

4. Ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào:

a) Đối với các phương thức tuyển sinh kết quả mỗi học phần ở trình độ đại học sử dụng để xét tuyển hoặc kết quả thi của môn thi tuyển phải đạt ít nhất 50% thang điểm của học phần hoặc môn thi đó.

b) Đối với chương trình thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu: ngoài yêu cầu tại điểm a khoản này, bằng tốt nghiệp đại học của ứng viên phải xếp loại khá trở lên và đề xuất nghiên cứu được trưởng khoa chuyên môn của cơ sở đào tạo đánh giá đạt yêu cầu.

5. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 34 Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung), thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết việc tổ chức tuyển sinh, tiêu chuẩn, số lượng, nhiệm vụ và quyền của các cá nhân và tập thể tham gia tổ chức tuyển sinh; phê duyệt danh sách học viên trúng tuyển và ra quyết định công nhận trúng tuyển.

# Chương III TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

## Điều 10. Địa điểm tổ chức đào tạo

Địa điểm đào tạo trình độ thạc sĩ là trụ sở chính hoặc phân hiệu của cơ sở đào tạo đã được cho phép hoạt động đào tạo; được cơ quan có thẩm quyền hoặc thủ trưởng cơ sở đào tạo được tự chủ mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ theo Luật Giáo dục đại học (đã được sửa đổi, bổ sung) kiểm tra và xác nhận đủ điều kiện thực tế bảo đảm chất lượng đào tạo theo quy định trước khi cho phép mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

## Điều 11. Tổ chức và quản lý đào tạo

1. Tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ thực hiện theo quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Thủ trưởng cơ sở đào tạo căn cứ vào quy định tại quy chế tổ chức đào tạo theo hệ thống tín chỉ trình độ đại học để quy định tổ chức và quản lý đào tạo đối với đào tạo trình độ thạc sĩ bảo đảm chất lượng đào tạo, phù hợp với các quy định tại Quy chế này.

2. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể trong Đề án tuyển sinh và trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo khối lượng tín chỉ cho từng chương trình đào tạo. Trong đó, quy định cụ thể khối lượng tín chỉ tối đa như sau:

a) Đối với chương trình đạo tạo 1 năm học có 2 học kỳ: mỗi học kỳ có tối đa 23 tín chỉ.

b) Đối với chương trình đạo tạo 1 năm học có 3 học kỳ: mỗi học kỳ có tối đa 15 tín chỉ.

3. Tổ chức giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ phải được thực hiện bằng cách phối hợp học tập ở trên lớp với tự học, tự nghiên cứu; coi trọng năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề thuộc lĩnh vực ngành, chuyên ngành đào tạo và năng lực độc lập nghiên cứu khoa học, xử lý các vấn đề thực tiễn của học viên. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động trong việc sử dụng chuyên gia, cơ sở vật chất, trang thiết bị trong quá trình tổ chức đào tạo thực hành, thực tập.

4. Đầu khóa học, cơ sở đào tạo phải thông báo cho học viên và công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo toàn khóa, đề cương chi tiết các học phần trong chương trình (học phần bắt buộc và học phần tự chọn), và các học phần học viên phải bổ sung (nếu có), kế hoạch học tập, kế hoạch kiểm tra, thi, thi lại, thời gian tổ chức bảo vệ luận văn và bảo vệ lại luận văn (nếu có), các quy định của cơ sở đào tạo có liên quan đến khóa học.

5. Thủ trưởng cơ sở đào tạo có trách nhiệm đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, thư viện, thư viện điện tử, hệ thống đào tạo trực tuyến, phòng thí nghiệm, trang thiết bị thực hành hoặc hợp đồng với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp để bảo đảm điều kiện học tập, nghiên cứu, thử nghiệm, thực hành, ứng dụng thực tế cho học viên đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; xây dựng và công bố công khai hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đối với từng khóa học của mỗi chương trình đào tạo phù hợp với các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, tổ chức đào tạo.

## Điều 12. Thi, kiểm tra, đánh giá

1. Thủ trưởng cơ sở đào tạo căn cứ vào Quy chế này và Quy chế đào tạo trình độ đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để quy định các nội dung: điều kiện thi kết thúc học phần, đánh giá học phần; quy trình xây dựng, quản lý ngân hàng đề thi và đề thi; hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần; đánh giá kết quả học tập, thi lại và học lại; cách tính điểm đánh giá quá trình, điểm học phần và điểm trung bình chung học tập.

2. Việc thi, kiểm tra đánh giá học phần phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Khách quan, chính xác, công bằng, minh bạch, phân loại được trình độ của học viên; công khai các quy định, quy trình, tổ chức thực hiện đánh giá học phần cho học viên.

b) Thủ trưởng cơ sở đào tạo giao cho một đơn vị chuyên trách thực hiện theo quy định, quy trình của cơ sở đào tạo về tổ chức thi, chấm thi, quản lý ngân hàng đề thi, quản lý đề thi kết thúc học phần; đơn vị chuyên trách này độc lập với các đơn vị tổ chức đào tạo để bảo đảm sự khách quan, công bằng. Đề thi phải xây dựng từ ngân hàng đề thi của cơ sở đào tạo, phù hợp với nội dung và bảo đảm mục tiêu học phần, chuẩn đầu ra đã xác định trong đề cương chi tiết.

c) Đúng hình thức và phương pháp đánh giá đã được quy định trong đề cương chi tiết của học phần.

d) Kết hợp kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập (bài tập lớn, tiểu luận, thuyết trình, thực hành, báo cáo chuyên đề, thi viết, thi vấn đáp,…) với thi kết thúc học phần, phù hợp với yêu cầu của học phần.

3. Đối với học phần ngoại ngữ (bao gồm cả ngoại ngữ thứ hai cho học viên theo học ngành, chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài): Căn cứ vào Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, thủ trưởng cơ sở đào tạo tổ chức đánh giá học phần ngoại ngữ của học viên (bao gồm cả học viên không đăng ký học ngoại ngữ tại cơ sở đào tạo).

4. Căn cứ yêu cầu của ngành đào tạo và khoản 3 Điều 7 Quy chế này, thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định việc miễn đánh giá học phần ngoại ngữ (nếu có) cho học viên trong Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo.

## Điều 13. Luận văn chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu

1. Đề tài luận văn:

a) Đề tài luận văn đối với chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu do trưởng khoa chuyên môn công bố hoặc do học viên đề xuất, có đề cương nghiên cứu kèm theo, được người hướng dẫn và trưởng khoa chuyên môn đồng ý.

b) Thủ trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định giao đề tài cho học viên và cử người hướng dẫn trước khi tổ chức bảo vệ luận văn ít nhất 6 tháng trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa chuyên môn và trưởng đơn vị quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ.

c) Việc thay đổi đề tài trước khi tổ chức bảo vệ luận văn do thủ trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định trên cơ sở đơn đề nghị của học viên được người hướng dẫn và trưởng khoa chuyên môn đồng ý. Việc thay đổi đề tài trong những trường hợp khác do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định.

2. Yêu cầu đối với luận văn:

a) Luận văn của chương trình theo định hướng nghiên cứu là một báo cáo khoa học trình bày kết quả sử dụng mô hình lý thuyết và phương pháp nghiên cứu để luận giải, làm rõ một vấn đề thực tiễn nhằm mang lại đóng góp mới về mặt lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc ngành đào tạo.

b) Luận văn phải có giá trị khoa học, giá trị thực tiễn, giá trị văn hoá, đạo đức và phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam.

c) Luận văn phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật sở hữu trí tuệ. Kết quả nghiên cứu trong luận văn phải là kết quả thực hiện của học viên và kết quả ch­ưa đ­ược công bố trong bất cứ một công trình nghiên cứu nào khác.

d) Luận văn được trình bày khoa học, rõ ràng, mạch lạc, không tẩy xóa.

3. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể cách thức trình bày luận văn, số lượng từ tối thiểu và tối đa theo yêu cầu của từng ngành đào tạo; quy định về cam kết của học viên trong đạo đức nghiên cứu; quy định và hướng dẫn việc sử dụng hoặc trích dẫn kết quả nghiên cứu đã công bố theo các quy định trích dẫn quốc tế đã chuẩn hóa và theo yêu cầu của từng ngành, chuyên ngành đào tạo; quy định về rà soát và chống sao chép bằng phần mềm chuyên dụng; xử lý vi phạm khi tỷ lệ sao chép không trích dẫn đúng quy định; các vấn đề khác liên quan đến luận văn; tiêu chí chấm điểm.

## Điều 14. Hướng dẫn luận văn và điều kiện, trình tự, thủ tục bảo vệ luận văn

1. Hướng dẫn luận văn chương trình thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu:

a) Mỗi luận văn có một hoặc hai người h­ướng dẫn. Tr­ường hợp có hai người hướng dẫn, trong quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn cần ghi rõ người h­ướng dẫn thứ nhất và người hướng dẫn thứ hai.

b) Người có chức danh giáo sư­ được hướng dẫn tối đa 7 học viên; người có học vị tiến sĩ khoa học hoặc có học hàm phó giáo sư­ được hướng dẫn tối đa 5 học viên; người có học vị tiến sĩ từ 1 năm trở lên được hướng dẫn tối đa 3 học viên trong cùng thời gian, kể cả học viên của cơ sở đào tạo khác.

c) Người hướng dẫn luận văn là những người có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, hoặc có học hàm giáo sư, phó giáo sư trong các lĩnh vực nghiên cứu hoặc lĩnh vực đào tạo liên quan đề tài luận văn và phải có khả năng đánh giá kết quả nghiên cứu đối với các lĩnh vực nghiên cứu của học viên.

2. Đối với chương trình thạc sĩ theo định hướng ứng dụng: Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể về luận văn; hướng dẫn luận văn; điều kiện, trình tự thủ tục bảo về luận văn trong trường hợp chương trình đào tạo có yêu cầu về luận văn cuối khóa.

3. Điều kiện bảo vệ luận văn chương trình thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu:

a) Học viên hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung tích lũy các học phần trong chư­ơng trình đào tạo (không bao gồm luận văn) đạt từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10.

Điểm trung bình chung tích lũy được tính theo quy định về đào tạo tín chỉ trình độ đại học.

b) Đạt trình độ ngoại ngữ do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định nhưng tối thiểu phải từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo quy định tại Phụ lục II. Chứng chỉ ngoại ngữ do một tổ chức khảo thí được Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm tính đến ngày làm thủ tục bảo vệ luận văn.

c) Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập; không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

4. Trình tự, thủ tục bảo vệ luận văn do thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định.

## Điều 15. Hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu

1. Hội đồng đánh giá luận văn do thủ trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của trưởng khoa chuyên môn và trưởng đơn vị quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ. Trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc, tính từ ngày học viên nộp luận văn và đủ điều kiện bảo vệ theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Quy chế này.

2. Hội đồng đánh giá luận văn có 5 thành viên, gồm: chủ tịch, thư­ ký, hai phản biện và uỷ viên. Trong đó, hội đồng có tối thiểu hai thành viên ở ngoài cơ sở đào tạo, thuộc các đơn vị khác nhau và ít nhất có một người là phản biện.

3. Yêu cầu đối với thành viên hội đồng đánh giá luận văn:

a) Các thành viên hội đồng là những người có học vị tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, hoặc có học hàm giáo sư, phó giáo sư trong các lĩnh vực nghiên cứu hoặc lĩnh vực đào tạo liên quan đề tài luận văn và phải có khả năng đánh giá kết quả nghiên cứu đối với các lĩnh vực nghiên cứu của học viên.

b) Chủ tịch hội đồng là người có năng lực chuyên môn và uy tín khoa học, có kinh nghiệm trong tổ chức điều hành công việc của hội đồng.

c) Người phản biện phải là người am hiểu sâu sắc lĩnh vực của đề tài luận văn.

d) Người hướng dẫn luận văn; người có quan hệ bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh chị em ruột với người bảo vệ luận văn không tham gia hội đồng.

đ) Thành viên hội đồng phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, khách quan trong việc nhận xét, đánh giá luận văn theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Quy chế này.

4. Hội đồng họp để đánh giá luận văn trong thời hạn tối đa 60 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thành lập hội đồng. Hội đồng không tổ chức họp đánh giá luận văn trong các tr­ường hợp sau: Vắng mặt chủ tịch hoặc thư­ ký hội đồng; vắng mặt người có ý kiến không tán thành luận văn; vắng mặt từ hai thành viên hội đồng trở lên.

Trong trường hợp có lý do khách quan, thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng nhưng vẫn phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này. Thời hạn tổ chức họp hội đồng đánh giá luận văn được tính từ ngày ký quyết định cuối cùng về việc thay đổi, bổ sung thành viên hội đồng.

## Điều 16. Đánh giá luận văn chương trình đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu

1. Luận văn đ­ược đánh giá công khai tại phiên họp của hội đồng (trừ một số đề tài thuộc lĩnh vực bảo mật theo quy định của cơ quan có thẩm quyền). Hội đồng tập trung chủ yếu vào đánh giá việc thực hiện mục tiêu nghiên cứu, nội dung và chất lượng của luận văn; mức độ đáp ứng yêu cầu đối với luận văn theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Quy chế này; bảo đảm đánh giá đúng kiến thức của học viên và khả năng vận dụng kiến thức vào giải quyết những vấn đề mà đề tài luận văn đặt ra.

2. Cơ sở đào tạo quy định cụ thể cách thức chấm, tính điểm luận văn; điểm luận văn đạt yêu cầu với điều kiện điểm trung bình của hội đồng chấm không thấp hơn 5,5 điểm theo thang điểm 10.

3. Trong trường hợp luận văn không đạt yêu cầu, học viên được chỉnh sửa, bổ sung luận văn để bảo vệ lần thứ hai trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày bảo vệ luận văn lần thứ nhất; không tổ chức bảo vệ luận văn lần thứ ba.

Trường hợp học viên có nguyện vọng đổi đề tài, thủ trưởng cơ sở đào tạo giao đề tài mới. Trong trường hợp này, cơ sở đào tạo không tổ chức bảo vệ lại nếu luận văn không đạt yêu cầu. Thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này. Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, tổ chức đánh giá lại, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả.

4. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết việc đánh giá luận văn; hồ sơ, thủ tục bảo vệ luận văn; yêu cầu đối với bản nhận xét luận văn, phiếu chấm điểm của thành viên hội đồng, biên bản buổi bảo vệ và hướng dẫn các thành viên trong hội đồng thực hiện đánh giá luận văn.

## Điều 17. Thẩm định luận văn

1. Thành lập hội đồng thẩm định:

a) Khi có đơn tố cáo đúng quy định của Luật Tố cáo, có căn cứ rõ ràng cho thấy luận văn không bảo đảm các yêu cầu theo quy định tại Quy chế này hoặc khi thấy cần thiết, thủ trưởng cơ sở đào tạo thành lập hội đồng thẩm định luận văn. Số lượng, yêu cầu đối với thành viên hội đồng thẩm định luận văn theo quy định tại các khoản 2, 3 Điều 15 Quy chế này; trong đó, nếu có thành viên thuộc cơ sở đào tạo thì tối đa không quá hai người; thành viên hội đồng thẩm định không trùng với hội đồng đánh giá luận văn.

b) Thành viên tham gia hội đồng thẩm định là những người có bằng tiến sĩ hoặc tiến sĩ khoa học, hoặc có chức danh giáo sư, phó giáo sư trong các lĩnh vực nghiên cứu hoặc lĩnh vực đào tạo liên quan đề tài luận văn và phải có khả năng đánh giá kết quả nghiên cứu đối với các lĩnh vực nghiên cứu của học viên.

2. Thẩm định luận văn:

a) Trước khi họp hội đồng thẩm định, các thành viên hội đồng có bản nhận xét về sự cần thiết của việc nghiên cứu đề tài luận văn, sự phù hợp với chuyên ngành; sự không trùng lặp về đề tài, nội dung, kết quả nghiên cứu với các công trình đã được công bố; tính trung thực, minh bạch trong trích dẫn tư liệu; bố cục và hình thức trình bày; nội dung, phương pháp, kết quả, ý nghĩa, độ tin cậy của các kết quả đạt được; đánh giá thành công và hạn chế của luận văn, khẳng định mức độ đáp ứng yêu cầu của một luận văn thạc sĩ.

b) Việc thẩm định luận văn được thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 4 Điều 16 Quy chế này.

c) Tác giả luận văn, người hướng dẫn, thành viên hội đồng đánh giá luận văn không tham dự phiên họp của hội đồng thẩm định nhưng được cơ sở đào tạo thông báo và có thể gửi ý kiến, cung cấp tài liệu (nếu có) tới hội đồng thẩm định.

3. Xử lý kết quả thẩm định luận văn không đạt yêu cầu

Nếu hội đồng thẩm định kết luận luận văn không đạt yêu cầu thì thủ trưởng cơ sở đào tạo dừng việc cấp bằng hoặc thu hồi, hủy bỏ bằng thạc sĩ đã cấp (nếu có). Những trường hợp luận văn không đạt yêu cầu không vì lý do sao chép bất hợp pháp thì quyền và trách nhiệm của học viên giải quyết như sau:

a) Trường hợp chưa bảo vệ lại luận văn, đề tài vẫn cần thiết nghiên cứu thì học viên được chỉnh sửa, bổ sung và bảo vệ lại luận văn trước hội đồng thẩm định theo quy định Quy chế này. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này thì học viên được gia hạn tối đa không quá 3 tháng.

b) Trường hợp đã bảo vệ lại luận văn hoặc đề tài không cần thiết tiếp tục nghiên cứu, nếu học viên có nguyện vọng thì thủ trưởng cơ sở đào tạo giao đề tài mới. Trường hợp đã hết thời gian tối đa để hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này thì học viên được thực hiện đề tài mới trong thời gian tối đa 6 tháng. Thủ trưởng cơ sở đào tạo tổ chức đánh giá luận văn theo các quy định tại Quy chế này.

c) Kinh phí cho việc chỉnh sửa, bổ sung luận văn, thực hiện và bảo vệ đề tài mới do học viên tự chi trả theo quy định của cơ sở đào tạo.

## Điều 18. Nghỉ học tạm thời

1. Học viên có thể viết đơn gửi thủ trưởng cơ sở đào tạo đề nghị được phép nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau đây:

a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;

b) Được cơ quan có thẩm quyền điều động, đại diện quốc gia tham dự các kỳ thi, giải đấu quốc tế;

c) Bị ốm, thai sản hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, nhưng phải có giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

d) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này học viên phải học được ít nhất một học kỳ ở cơ sở đào tạo.

2. Thời gian nghỉ học tạm thời không quá thời gian quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này ngoại trừ trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này. Học viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại cơ sở đào tạo, phải có đơn gửi thủ trưởng cơ sở đào tạo trong thời gian đăng ký học của học kỳ liên quan.

3. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định chi tiết việc nghỉ học tạm thời.

## Điều 19. Chuyển cơ sở đào tạo

1. Học viên được xét chuyển cơ sở đào tạo nếu đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Xin chuyển đến cơ sở đào tạo có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà học viên đang học.

b) Được sự đồng ý của cơ sở đào tạo xin chuyển đi và cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

c) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển cơ sở đào tạo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Học viên không được phép chuyển cơ sở đào tạo trong các trường hợp sau:

a) Không đáp ứng điều kiện trúng tuyển của ngành học hoặc chương trình đào tạo tương ứng của cơ sở đào tạo xin chuyển đến.

b) Đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên về hành vi vi phạm quy chế tuyển sinh và đào tạo tại tại cơ sở đào tạo chuyển đi.

c) Học viên đang học ở học kỳ cuối khóa.

3. Thủ trưởng cơ sở đào tạo quy định cụ thể về hồ sơ, thủ tục chuyển đi, chuyển đến; thủ tục xem xét công nhận một phần hoặc toàn bộ các học phần mà học viên đã học, quyết định số học phần phải học bổ sung theo yêu cầu của trưởng khoa chuyên môn cơ sở đào tạo học viên chuyển đến.

## Điều 20. Tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ, giấy chứng nhận

1. Điều kiện tốt nghiệp:

a) Đối với chương trình theo định hướng ứng dụng:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Tích lũy đủ số học phần, khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 3 Quy chế này và các điều kiện bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình, các điều kiện khác do cơ sở đào tạo quy định;

- Điểm trung bình tích lũy của toàn khóa học đạt từ 5,5 điểm trở lên theo thang điểm 10 và các điều kiện bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình;

- Đạt trình độ ngoại ngữ tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Chứng chỉ ngoại ngữ do một tổ chức khảo thí được Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm tính đến ngày làm thủ tục bảo vệ luận văn.

b) Đối với chương trình theo định hướng nghiên cứu:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;

- Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên theo thang điểm 10 và các điều kiện bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình;

- Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện để cơ sở đào tạo sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điều 21 Quy chế này.

2. Hội đồng xét tốt nghiệp do thủ trưởng cơ sở đào tạo quyết định thành lập trên cơ sở đề nghị của trưởng đơn vị quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ. Hội đồng do thủ trưởng cơ sở đào tạo hoặc cấp phó được ủy quyền của thủ trưởng cơ sở đào tạo làm chủ tịch, trưởng đơn vị quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ làm uỷ viên thường trực, các uỷ viên là trưởng khoa chuyên môn có học viên tốt nghiệp, đại diện thanh tra đào tạo và đại diện lãnh đạo đơn vị có liên quan đến quá trình đào tạo (nếu có). Hội đồng căn cứ vào điều kiện tốt nghiệp để xét, lập danh sách những học viên đủ điều kiện, đề nghị thủ trưởng cơ sở đào tạo công nhận tốt nghiệp.

3. Thủ trưởng cơ sở đào tạo ra Quyết định công nhận tốt nghiệp, cấp bằng thạc sĩ và phụ lục văn bằng cho học viên theo đề nghị của hội đồng xét tốt nghiệp và tuân thủ các quy định hiện hành liên quan đến quản lý văn bằng và nội dung chính ghi trên văn bằng, phụ lục văn bằng. Cơ sở đào tạo ghi rõ trên phụ lục văn bằng chương trình đào tạo theo định hướng nghiên cứu hoặc chương trình đào tạo theo định hướng ứng dụng.

4. Cung cấp hệ thống tra cứu văn bằng tốt nghiệp trên cổng thông tin điện tử của cơ sở đào tạo phục vụ công tác hậu kiểm, xác minh văn bằng tốt nghiệp.

5. Nếu học viên không đủ điều kiện tốt nghiệp, không bị kỷ luật buộc thôi học, đã hết thời gian đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Quy chế này, có yêu cầu thì được thủ trưởng cơ sở đào tạo cấp giấy chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo thạc sĩ.

## Điều 21. Chế độ lưu trữ

Lưu trữ và bảo quản hồ sơ theo quy định hiện hành về thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục.

# Chương IV

# NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO, GIẢNG VIÊN VÀ HỌC VIÊN

## Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở đào tạo

1. Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo trên cơ sở các quy định của Quy chế này (bao gồm cả các quy định để bảo đảm chất lượng cao hơn so với quy định của Quy chế này) và trên cơ sở đề nghị của trưởng đơn vị quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ, sau khi được hội đồng trường thông qua.

2. Xác định chỉ tiêu, xây dựng đề án tuyển sinh và tổ chức tuyển sinh hằng năm cho các chương trình được phép đào tạo trình độ thạc sĩ.

3. Xây dựng ch­ương trình đào tạo, biên soạn, lựa chọn giáo trình, xây dựng kế hoạch giảng dạy, tổ chức đào tạo, bảo đảm chất lượng các chương trình đào tạo được phép tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ và các quy định hiện hành liên quan.

4. Quản lý việc học tập và nghiên cứu khoa học của học viên; khen thưởng, kỷ luật đối với học viên theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Quyết định danh sách công nhận học viên trúng tuyển; quyết định công nhận học viên tốt nghiệp; cấp cấp bằng, phụ lục văn bằng và quản lý văn bằng thạc sĩ theo quy định pháp luật hiện hành.

6. Quản lý kinh phí, khai thác, tạo nguồn bổ sung; đầu tư, sử dụng và quản lý các nguồn lực khác trong đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định pháp luật hiện hành.

7. Công bố công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo:

a) Văn bản quy định cụ thể về tuyển sinh, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ; đề án tuyển sinh; danh mục ngành, chuyên ngành đào tạo, kế hoạch và chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cho các ngành, chuyên ngành đã được phép đào tạo;

b) Thông tin về mục tiêu, chuẩn đầu ra; cấu trúc, nội dung và kế hoạch học tập của từng chương trình, quy định về tổ chức đào tạo, tổng số tín chỉ của chương trình, địa điểm, thời gian đào tạo, đạo đức học thuật, nghĩa vụ và quyền lợi của học viên, chính sách bảo lưu, quy định kỷ luật, đình chỉ học tập hoặc buộc thôi học, việc rút hoặc hủy đăng ký nhập học và điều kiện đăng ký thực hành, thực tập (nếu có).

c) Thông tin hỗ trợ người học tiếp cận tài nguyên giáo dục của cơ sở đào tạo. Danh sách giảng viên tham gia giảng dạy các học phần của chương trình đào tạo.

d) Thông tin về nghĩa vụ và trách nhiệm người học thực hiện chương trình đào tạo, nghĩa vụ tài chính đối với cơ sở đào tạo.

đ) Thông tin hỗ trợ giải quyết khiếu nại, tố cáo các vấn đề liên quan đến tổ chức đào tạo.

e) Thông tin thay đổi trong hoạt động đào tạo gồm thông tin về việc tăng học phí, hoàn trả chi phí đào tạo (nếu có) và chi phí liên quan và các yếu tố khác ảnh hưởng đến tổ chức đào tạo.

g) Ngoài các nội dung công khai theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e của khoản này, cơ sở đào tạo phải công khai tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động đào tạo và bảo đảm chất lượng đào tạo theo đúng quy định hiện hành.

8. Trách nhiệm giải trình của cơ sở đào tạo thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

9. Bồi hoàn học phí cho người học nếu cơ sở đào tạo vi phạm Quy chế này, vi phạm các quy định khác của pháp luật dẫn đến người học (không vi phạm) không được cấp bằng.

10. Trước tháng 11 hằng năm, Thủ trưởng cơ sở đào tạo báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về công tác đào tạo trình độ thạc sĩ theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Quy chế này.

## Điều 23. Giảng viên tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ

1. Giảng viên đào tạo trình độ thạc sĩ được phân công nhiệm vụ giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc hướng dẫn học viên thực hành, thực tập, thực hiện đề tài luận văn thạc sĩ là người có kinh nghiệm trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu và kinh nghiệm thực tiễn ứng dụng có liên quan và phải bảo đảm quy định pháp luật về tiêu chuẩn đối với giảng viên.

2. Giảng viên giảng dạy chương trình thạc sĩ phải có bằng tiến sĩ.

3. Giảng viên là hướng dẫn thứ nhất đề tài luận văn là người có toàn thời gian tham gia nghiên cứu, giảng dạy tại cơ sở đào tạo, có bằng tiến sĩ hoặc tiến sĩ khoa học, hoặc có học hàm giáo sư, phó giáo sư trong các lĩnh vực liên quan đề tài luận văn và phải có kinh nghiệm để tiến hành các nghiên cứu liên quan đến các lĩnh vực hướng dẫn học viên. Người hướng dẫn thứ nhất phải có bài báo công bố công trình nghiên cứu trong vòng 3 năm gần nhất tính đến ngày cơ sở đào tạo ra quyết định giao đề tài hướng dẫn luận văn tốt nghiệp.

4. Giảng viên là hướng dẫn thứ hai đề tài luận văn là người có toàn thời gian tham gia nghiên cứu, giảng dạy tại cơ sở đào tạo hoặc chuyên gia bên ngoài, có bằng tiến sĩ hoặc tiến sĩ khoa học, hoặc có học hàm giáo sư, phó giáo sư trong các lĩnh vực liên quan đề tài luận văn và phải có kinh nghiệm để tiến hành các nghiên cứu liên quan đến các lĩnh vực hướng dẫn học viên.

5. Nhiệm vụ và quyền của giảng viên tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ thực hiện theo quy định của cơ sở đào tạo và quy định pháp luật liên quan.

## Điều 24. Nhiệm vụ và quyền của học viên

1. Hoàn thành chương trình đào tạo; chấp hành nội quy, quy chế, quy định pháp luật hiện hành về đào tạo trình độ thạc sĩ của nhà nước và của cơ sở đào tạo.

2. Đóng học phí, bao gồm cả phần học phí tăng thêm do phải học bổ sung kiến thức, học lại, bảo vệ luận văn lần hai hoặc thực hiện đề tài luận văn mới theo quy định hợp pháp của cơ sở đào tạo.

3. Tôn trọng giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở đào tạo.

4. Được giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức và nhân viên của cơ sở đào tạo tôn trọng, đối xử bình đẳng và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến việc học tập của mình.

5. Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của cơ sở đào tạo cho việc học tập, nghiên cứu.

6. Được đề nghị cơ sở đào tạo thay người hướng dẫn luận văn nếu sau 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được quyết định giao đề tài và cử người hướng dẫn mà học viên không liên hệ được với người hướng dẫn hoặc không được hướng dẫn thực hiện đề tài luận văn.

7. Được phản hồi ý kiến với người có thẩm quyền của cơ sở đào tạo về chương trình đào tạo, về hoạt động giảng dạy của giảng viên và các hoạt động liên quan đến quá trình tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo thạc sĩ.

8. Được tham gia hoạt động đoàn thể, tổ chức xã hội trong cơ sở đào tạo.

9. Được bồi hoàn học phí nếu học viên không có lỗi, do vi phạm của cơ sở đào tạo dẫn đến việc không được cấp bằng thạc sĩ.

10. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

# Chương V

# THANH TRA, KIỂM TRA, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

## Điều 25. Thanh tra, kiểm tra

1. Cơ sở đào tạo có trách nhiệm tự kiểm tra, thanh tra công tác công bố công khai thông tin trên cổng thông tin điện tử, tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở mình theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về công bố công khai thông tin trên công thông tin điện tử; tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ của cơ sở đào tạo theo các quy định của pháp luật.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý của mình, theo phân công và phân cấp của Chính phủ.

## Điều 26. Khiếu nại, tố cáo

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm quy chế của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào.

2. Việc khiếu nại, tố cáo; giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật khiếu nại, tố cáo.

## Điều 27. Xử lý vi phạm

Cá nhân, tổ chức vi phạm một trong các hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu hành vi vi phạm gây thiệt hạn thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

1. Trong trường hợp phát hiện có vi phạm trong tuyển sinh, tổ chức và quản lý hoạt động đào tạo, đánh giá luận văn và cấp bằng thạc sĩ, Bộ Giáo dục và Đào tạo có văn bản yêu cầu cơ sở đào tạo xử lý hoặc trực tiếp xử lý theo thẩm quyền.

2. Việc thu hồi bằng thạc sĩ được thực hiện theo quy định hiện hành và trong những trường hợp sau:

a) Gian lận trong hồ sơ dự tuyển khiến người được cấp bằng không còn bảo đảm điều kiện dự tuyển và điều kiện công nhận trúng tuyển.

b) Sao chép, trích dẫn không đúng quy định trong luận văn của chương trình thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu mà nếu cắt bỏ những phần sao chép, trích dẫn đó thì luận văn không đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 13 của Quy chế này.

c) Luận văn không được Hội đồng thẩm định thông qua theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

3. Trong trường hợp học viên bị phát hiện có những vi phạm khác thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, tạm ngừng học tập, đình chỉ học tập đến truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Việc xác định luận văn vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều này thuộc thẩm quyền của Hội đồng thẩm định do thủ trưởng cơ sở đào tạo thành lập theo quy định tại Điều 17 của Quy chế này.

## Điều 28. Quy định chuyển tiếp

1. Các khóa tuyển sinh từ ngày tháng năm 2020 trở về trước thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày ngày 15 tháng 5 năm 14 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Các khóa tuyển sinh từ ngày tháng năm trở đi thực hiện tuyển sinh và tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ theo Quy chế này./.

# PHỤ LỤC I

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM …

*(Kèm theo Thông tư số: /2020/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2020 của*

*Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CHỦ QUẢN **TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:     /BC - chữ viết tắt của CSĐT | *……… ., ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO**

**Tình hình đào tạo trình độ thạc sĩ năm …** *(năm hiện tại)*

**1. Số giảng viên cơ hữu là tiến sĩ, tiến sĩ khoa học, giáo sư, phó giáo sư**

(tổng số và theo từng ngành, chuyên ngành)

**2. Thực hiện kế hoạch tuyển sinh năm …** *(năm hiện tại)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chương trình  đào tạo  thạc sĩ | Chỉ tiêu Thông báo | Số lượng  đăng ký dự tuyển | Số lượng  trúng tuyển | Số, ngày Quyết định công nhận trúng tuyển | Nhập học | | | Ghi chú |
| Tập trung toàn bộ thời gian | Tập trung theo đợt | Tổng số |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng số |  |  |  |  |  |  |  |  |

**3. Tổ chức và quản lý đào tạo năm học … - ….**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chương trình đào tạo thạc sĩ | Tổng số tín chỉ | Tổng thời gian đào tạo | Số học kỳ/ một năm | Số tín chỉ mỗi học kỳ | Ghi chú |
| … |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| Tổng số |  |  |  |  |  |

**4. Số học viên hiện có (bao gồm cả số mới tuyển) và dự kiến tốt nghiệp**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khóa học | Số học viên hiện đang học tại CSĐT (bao gồm cả số mới tuyển) và dự kiến tốt nghiệp | | | Số học viên dự kiến tốt nghiệp năm … *(năm sau)* | | | Ghi chú |
| Tập trung toàn bộ thời gian | Tập trung theo đợt | Tổng số | Tập trung toàn bộ thời gian | Tập trung theo đợt | Tổng số |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |
| *….* |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng số |  |  |  |  |  |  |  |

**5. Báo cáo cụ thể về việc tỷ lệ đạo tạo thức hình thức trực tuyến**

Báo cáo từng chương trình đào tạo theo hình thức trực tuyến:

- Thực hiện bao nhiêu tín chỉ, đạt bao nhiêu %.

- Website về hệ thống đào tạo trực tuyến:

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá cho các học phần đào tạo hình thức trực tuyến

**6. Dự kiến đăng ký tuyển sinh năm …** *(năm sau)*

- Số lần tuyển sinh:

- Thời điểm tuyển sinh:

- Chỉ tiêu tuyển sinh:

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO**  *(ký tên và đóng dấu)* |

# 

# PHỤ LỤC II

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ TƯƠNG ĐƯƠNG BẬC 4 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ*(Kèm theo Thông tư số: /2020/TT-BGDĐT ngày tháng năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngôn ngữ** | **Chứng chỉ** | **Trình độ** |
| **1** | Tiếng Anh | TOEFL iBT | 46 - 93 |
| **2** | IELTS | 5.5 - 6.5 |
| **3** | Tiếng Pháp | CIEP/Alliance française diplomas | TCF: 400-499  DELF B2  Diplôme de Langue |
| **4** | Tiếng Đức | Goethe -Institut  TestDaF | Goethe- Zertifikat B2  Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)  TDN3- TDN4 |
| **6** | Tiếng Trung | Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK) | HSK bậc 4 |
| **7** | Tiếng Nhật | Japanese  Language Proficiency  Test (JLPT) | N2 |
| **8** | Tiếng Nga | ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному | ТРКИ-2 |